| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VŨ THƯ**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 10/2024/QĐST-LĐ | *Vũ Thư, ngày 08 tháng 8 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH

## SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

## V/v: Yêu cầu Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

*Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp:* Bà Doãn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST-VLĐ ngày 23/7/2024 về việc *"Yêu cầu tuyên bố Hợp động lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2024/QĐ-MPH ngày 02/8/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự**: ***Chị Ngô Thị Á***, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

***2.1. Công ty TNHH I***; Địa chỉ: K+500 đường A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Park Tae C, chức vụ: Tổng giám đốc.

***2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh T;*** Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

***2.3. Chị Phạm Thị S***, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

*(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt).*

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

***Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 19/7/2024 và bản tự khai trong quá trình tố tụng, người yêu cầu - chị Ngô Thị Á trình bày:***

Chị Phạm Thị S là bạn của chị. Năm 2008, chị đã cho chị Phạm Thị S mượn giấy chứng minh nhân dân của chị để chị Phạm Thị S ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH I vào ngày 28/5/2008. Chị S đã làm việc tại Công ty TNHH I theo Hợp đồng lao động đến tháng 02/2010 thì chị S xin nghỉ việc. Quá trình làm việc tại Công ty, chị S tham gia bảo hiểm xã hội với tên Ngô Thị Á theo số sổ 3409008526. Đến tháng 8/2008, chị ký hợp đồng và làm việc cho Công ty TNHH M tại thành phố T và tham gia bảo hiểm xã hội theo số sổ 3409003001. Tháng 3/2017, chị xin nghỉ việc và xin hưởng trợ cấp một lần, tuy nhiên không làm được thủ tục thanh toán theo quy định do bảo hiểm xã hội mang tên chị có hai sổ và bị trùng thời điểm từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2010. Để đảm bảo quyền lợi của chị và chị Phạm Thị S, chị làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2008 và hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2009 ký kết giữa người lao động là Ngô Thị Á (nhưng do chị Phạm Thị S là người ký kết) và Công ty TNHH I vô hiệu; đề nghị Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH I trình bày:*** Thời gian từ ngày 28/5/2008 đến ngày 27/5/2009, Công ty TNHH I ký kết hợp đồng lao động với chị Ngô Thị Á, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, số CMTND 151544122 do Công an tỉnh T cấp ngày 12/12/2006. Ngày 28/5/2009, Công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 03 năm với chị Ngô Thị Á, thời hạn đến ngày 28/5/2012. Tháng 02/2010, Chị Á xin nghỉ việc tại Công ty và sau đó không ký thêm hợp đồng lao động nào khác với Công ty TNHH I. Quá trình làm việc tại Công ty, Công ty đã đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo số sổ 3409008526 cho chị Ngô Thị Á với số tiền là 4.879.540 đồng. Thời điểm từ tháng 5/2008 đến tháng 02/2010, Công ty TNHH I không ký kết hợp đồng lao động với chị Phạm Thị S, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Việc chị Phạm Thị S lấy tên chị Ngô Thị Á để ký kết hợp đồng lao động với Công ty, Công ty không biết. Đối với yêu cầu của chị Ngô Thị Á, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình***

***bày***: Thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN của bà Ngô Thị Á từ tháng 5/2008 đến tháng 01/2010 tại Công ty TNHH I theo số sổ BHXH số 3409008526 là 01 năm 09 tháng BHXH, BHYT (đã hưởng BHXH một lần) và 01 năm 01 tháng BHTN (chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp), tổng số tiền đã đóng BHXH, BHYT, BHTN là 4.879.540 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 3.538.000 đồng, người lao động đóng 1.341.540 đồng. Thời gian đóng BHXH, BHYT của bà Ngô Thị Á từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2010 tại Công ty TNHH M theo sổ BHXH số 3409003001 là 01 năm 06 tháng BHXH, BHYT (chưa hưởng BHXH một lần) và 01 năm 01 tháng BHTN (đã hưởng trợ cấp thất nghiệp), tổng số tiền đã đóng BHXH, BHYT, BHTN là 4.464.600 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 3.228.600 đồng, người lao động đóng 1.236.000 đồng. Nay bà Ngô Thị Á đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Phạm Thị S nhưng lấy tên là Ngô Thị Á với Công ty TNHH I trong khoảng thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 01/2010 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Phạm Thị S trình bày****:* Năm 2008, do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên chị đã mượn giấy chứng minh nhân dân của chị Ngô Thị Á để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH I. Chị là người viết, ký vào hồ sơ xin việc mang tên chị Ngô Thị Ánh . Chị làm việc tại Công ty TNHH I từ tháng 5/2008 đến tháng 02/2010 thì nghỉ việc. Quá trình làm việc tại Công ty, chị tham gia bảo hiểm xã hội với tên chị Ngô Thị Á theo số sổ 3409008526. Trong khi cùng thời điểm đó chị Ngô Thị Á đang ở nhà, chưa đi làm tại công ty nào. Đến tháng 8/2008, chị Á ký hợp đồng và làm việc cho Công ty TNHH M tại thành phố T và tham gia bảo hiểm xã hội theo số sổ 3409003001. Nay chị Ngô Thị Á đề nghị tuyên bố Hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2008 và hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2009 ký kết giữa người lao động là Ngô Thị Á (nhưng do chị là người tham gia ký kết) và Công ty TNHH I vô hiệu, đề nghị Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, chị đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:* Đề nghị Tòa án căn cứ vào các Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Á, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2008 và hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2009 ký kết giữa người lao động là Ngô Thị Á (nhưng do chị Phạm Thị S là người tham gia ký kết) và Công ty TNHH I là vô hiệu. Chị Ngô Thị Á và chị Phạm Thị S có

quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân trên sổ Bảo hiểm xã hội số 3409008526 từ Ngô Thị Á thành Phạm Thị S. Chị Ngô Thị Á phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc lao động.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động với Công ty TNHH I có địa chỉ trụ sở tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy Tòa án huyện V, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người yêu cầu giải quyết việc dân sự; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

**[2] Về việc áp dụng pháp luật**: Hợp đồng lao động mà chị Ngô Thị Á yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết vào năm 2008 và năm 2009 khi Bộ luật Lao động năm 1994 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, do Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó Tòa án căn cứ các quy định tại Bộ luật Lao động năm 2012 và năm 2019 để giải quyết yêu cầu của chị Ngô Thị Á trong việc dân sự này.

**[3] Về nội dung:**

[3.1] Xét yêu cầu của chị Ngô Thị Á đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2008 và hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2009 ký kết giữa người lao động là Ngô Thị Á (nhưng do chị Phạm Thị S là người ký kết) với người sử dụng lao động là công ty TNHH I vô hiệu, thì thấy: Việc chị Phạm Thị S mượn giấy tờ (Giấy chứng minh nhân dân) của chị Ngô Thị Á, nhận mình là chị Ngô Thị Á để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH I là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Ngô

Thị Á là có căn cứ chấp nhận. Cần tuyên bố hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2008 và hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2009 ký kết giữa người lao động là Ngô Thị Á (nhưng do chị Phạm Thị S là người ký kết) với người sử dụng lao động là công ty TNHH I vô hiệu.

[3.2] Đối với yêu cầu của chị Ngô Thị Á đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy: mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị S (Hồ sơ mang tên Ngô Thị Á) với Công ty TNHH I nhưng trên thực tế chị Phạm Thị S có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho chị Phạm Thị S (mang tên Ngô Thị Á, số sổ là 3409008526). Do vậy cần giao cho các cơ quan chức năng có liên quan đến Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH I và chị Ngô Thị Á (do chị Phạm Thị S là người ký kết) điều chỉnh tên Ngô Thị Á trên sổ Bảo hiểm xã hội số 3409008526 thành Phạm Thị S. Chị Ngô Thị Á và Phạm Thị S có quyền liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Ngô Thị Á thành Phạm Thị S.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ - CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Á:** Tuyên bố hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2008 và hợp đồng lao động số 4841 ngày 28/5/2009 ký kết giữa người lao động là Ngô Thị Á (nhưng do chị Phạm Thị S là người ký kết) với người sử dụng lao động là công ty TNHH I vô hiệu.

**2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:** Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh thông tin nhân thân tại sổ bảo hiểm số 3409008526 từ Ngô Thị Á, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, số CMND 151544122 do Công an tỉnh T cấp ngày 12/12/2006 thành Phạm Thị S, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; CCCD số 034191000755 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/4/2021. Chị Ngô Thị Á và chị Phạm Thị S có quyền liên hệ với cơ quan Bảo

hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Ngô Thị Á thành Phạm Thị S.

**3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:** Chị Ngô Thị Á phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Ngô Thị Á đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001698 ngày 23/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền lệ phí.

**4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Chị Ngô Thị Á, Công ty TNHH I, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình, chị Phạm Thị S có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh Bình**